

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN M
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 158/2021/DS - ST

Ngày: 22-6-2021

V/v tranh chấp hợp đồng sử dụng
thẻ tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN M, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Sỹ Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Đình Tiến
2. Bà Nghiêm Thị Xuân Huê

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Phương, Thư ký Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Mai Đức Hùng – Kiểm sát viên

Trong ngày 22 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 93/2021/TLST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2198/2021/QĐXXST- DS ngày 28 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 3258/2021/QĐST-DS ngày 26 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần S; Địa chỉ: Lầu 8, 266-268, Đường N, Phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Thạch Ngọc P – đại diện theo Giấy ủy quyền số 55/2021/GUQ-CNQ10 ngày 20 tháng 01 năm 2021 của bà Nguyễn Thị Ngọc H – Giám đốc chi nhánh Quận 1 và Giấy ủy quyền số 3977/2020/GUQ-PL ngày 28 tháng 12 năm 2020 của bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng Giám đốc.

2. *Bị đơn:* Ông Lâm X, địa chỉ: 214B/14bis Đường N, phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Phiên tòa vắng mặt ông P, ông X.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 01 năm 2021 và lời khai trong quá trình tố tụng, đại diện hợp pháp của Ngân hàng thương mại cổ phần S là ông Thạch Ngọc P trình bày:

Ngày 08/4/2019, Ngân hàng TMCP S và ông Lâm X ký hợp đồng sử dụng thẻ

tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng với hạn mức tín dụng là 150.000.000 đồng.

Sau khi ký hợp đồng ông X đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 212.831.468 đồng (gồm thẻ JCB Jspeedy CR Gold-Notissue số 356481-4883 là 7.820.146 đồng, thẻ VS payWave Cre Platinum Cashback số 436438-6955 là 205.011.322 đồng). Ông X có thực hiện việc thanh toán cho Ngân hàng nhưng vẫn còn nợ lại số tiền nợ gốc của 02 thẻ là 167.525.418 đồng.

Đến thời điểm 05/8/2020 và ngày 22/8/2020 ông Lâm X ngưng thực hiện nghĩa vụ thanh toán đối với nguyên đơn

Qua nhiều lần ngân hàng nhắc nhở, ông X không có thiện chí trả nợ nên ngày 05/11/2020 và 19/10/2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng 2 thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn tổng cộng là 167.525.418 đồng.

Tính đến ngày 18/01/2021 số nợ tổng cộng của ông X như sau:

Nợ gốc 02 thẻ: 167.525.418 đồng

Nợ lãi quá hạn đối với thẻ JCB Jspeedy CR Gold-Notissue số 356481-4883 tính từ ngày 22/11/2020 đến ngày 18/01/2021: 713.982 đồng (9.635.642 đồng x 3.9%/tháng : 30 ngày x 57 ngày).

Nợ lãi quá hạn đối với thẻ VS payWave Cre Platinum Cashback số 436438-6955 tính từ ngày 05/11/2020 đến ngày 18/01/2021: 14.020.632 đồng (157.889.776 đồng x 3.6%/tháng : 30 ngày x 74 ngày)

Tổng cộng: 182.260.032 đồng

Nguyên đơn yêu cầu:

1. Bị đơn thanh toán khoản tiền nợ 02 thẻ tín dụng.

2. Lãi phát sinh kể từ ngày 19/01/2021 cho đến khi trả dứt nợ theo lãi suất quy định trong hợp đồng.

Ngày 22/6/2021 người đại diện hợp pháp của ngân hàng có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt và yêu cầu giải quyết buộc bị đơn thanh toán dư nợ đến ngày xét xử (22/6/2021) là nợ gốc: 167.525.418 đồng và lãi quá hạn: 46.388.172 đồng (thẻ JCB Jspeedy CR Gold-Notissue số 356481-4883 là 12.291.154 đồng, nợ gốc 9.635.642 đồng, lãi quá hạn 2.655.512 đồng với lãi suất 3.9%/tháng và thẻ VS payWave Cre Platinum Cashback số 436438-6955 là 201.277.948 đồng, nợ gốc 157.889.776 đồng, lãi quá hạn 43.388.172 đồng với lãi suất 3.6%/tháng).

Bị đơn là ông Lâm X đã được tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng không giao nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tài liệu, chứng cứ kèm theo, đồng thời vắng mặt không lý do trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự, về thu

thập chứng cứ, tổng đạt văn bản tố tụng, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu theo đúng quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án;

- Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng; Bị đơn vi phạm Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự về nghĩa vụ của đương sự;

- Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Các đương sự tranh chấp về hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, bị đơn có nơi cư trú tại Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, căn cứ điểm Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về việc xét xử vắng mặt các đương sự: Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, Người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b Khoản 2 điều 227, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Xét: Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, trong đó có Thông báo yêu cầu giao nộp chứng cứ, nhưng vẫn không giao nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện và tài liệu, chứng cứ do Nguyên đơn giao nộp và do Tòa án thu thập. Do đó, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo những chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[4] Xét: Lời trình bày của nguyên đơn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở xác định: Ngày 08/4/2019, Nguyên đơn và Bị đơn có ký kết *Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng kèm Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Ngân hàng TMCP S (đơn vị phát hành thẻ) có hiệu lực từ ngày 04/01/2018;*

Theo đó Nguyên đơn cấp cho Bị đơn 02 thẻ tín dụng là loại thẻ cá nhân tín chấp có tổng hạn mức 150.000.000 đồng; ngoài ra, văn bản này còn có các nội dung về quyền, nghĩa vụ của các bên. Quá trình sử dụng thẻ, Bị đơn chậm thanh toán nên Nguyên đơn đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ, hiện Bị đơn còn nợ gốc là 167.525.418 đồng và lãi phát sinh.

[5] Xét: *Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 08/4/2019 kèm Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Ngân hàng TMCP S đơn vị phát hành thẻ*) là hợp đồng sử dụng thẻ giữa chủ thẻ là ông Lâm X và tổ chức phát hành thẻ là Ngân hàng TMCP S. Hợp đồng này có mục đích, hình thức và nội dung không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 và quy định về hoạt động ngân hàng của Ngân hàng thương mại, về lãi suất trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng, về chấm dứt cấp tín dụng, xử lý nợ được quy định tại Điều 91, Điều 95, điểm d Khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*) và Thông tư 19/2016/TT-NHNN

ngày 30 tháng 6 năm 2016 Quy định về hoạt động thẻ ngân hàng nên có hiệu lực. Bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán được thỏa thuận tại Điều 2 của hợp đồng sử dụng thẻ, nên có nghĩa vụ trả các khoản phí, nợ gốc và lãi phát sinh theo quy định tại Khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*), Khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 17 Thông tư 19/2016/TT-NHNN.

[6] Về lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm: Nguyên đơn tính lãi trên tiền nợ vay theo mức lãi suất quá hạn 3,6%/tháng (2,4%/tháng x 150% đối với thẻ VS payWave Cre Platinum Cashback) và 3,9%/tháng (2,6%/tháng x 150% đối với JCB Jspeedy CR Gold-Notissue) đối với dư nợ thẻ từ ngày 06/11/2020 và 23/11/2020 đến nay, theo các văn bản thông báo điều chỉnh lãi suất thẻ tín dụng đã được Nguyên đơn phát hành là phù hợp quy định của pháp luật. Vì vậy, tiền lãi tính đến ngày xét xử mà Bị đơn phải trả theo yêu cầu của Nguyên đơn là 46.388.172 đồng.

[7] Từ những phân tích trên, cần tuyên theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, buộc Bị đơn phải trả nợ gốc: 167.525.418 đồng và lãi quá hạn: 46.388.172 đồng, tổng cộng là 213.569.102 đồng;

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Bị đơn phải chịu án phí tương ứng với nghĩa vụ phải trả theo yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn được chấp nhận là 213.569.102 đồng.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 203, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 91, Khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*); Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/UBTVQH14 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Luật thi hành án dân sự,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn:

Buộc ông Lâm X trả cho Ngân hàng TMCP S các khoản tiền còn nợ của *Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 08/4/2019 kèm Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Ngân hàng TMCP S (đơn vị phát hành thẻ) có hiệu lực từ ngày 04/01/2018*; gồm:

Nợ gốc: 167.525.418 đồng và lãi quá hạn: 46.388.172 đồng, tổng cộng là 213.569.102 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bên phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất

mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng sử dụng thẻ, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lâm X phải chịu án phí là 10.678.455 đồng. Ngân hàng TMCP S được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.556.501 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0030457 ngày 05/02/2021 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Ngân hàng TMCP S, ông Lâm X có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, 7a, 7b Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Sỹ Hùng